

DIVERSITY OF MEDICINAL PLANTS USED BY E DE COMMUNITIES OF DAK LAK PROVINCE

Nguyen Thi Hoa*, Do Tran Tham Thuy, Hoang Viet Thanh, Vo Van Nghia

Tay Nguyen Research Center of Medicinal Materials - National Institute of Medicinal Materials

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	14/5/2025	The study aimed to update the current status of traditional medicinal plant use in Ede communities of Dak Lak province. Using the Participatory Rural Appraisal method, combined with guided sample collection and morphological comparison method for plant identification, the research team collected information on 66 medicinal plant species, of which plants with health-enhancing effects were the most diverse group with 12 species. Many valuable medicinal plant species, such as <i>Spatholobus parviflorus</i> (Roxb. ex G.Don) Kuntze; <i>Eurycoma longifolia</i> subsp. <i>longifolia</i> ; <i>Leea thorelii</i> Gagnep.; and <i>Urceola minutiflora</i> (Pierre) D.J.Middleton, were recorded. Most of them were collected from the forest, but some have been grown in the garden for treatment of common ailments. The research team also collected and analyzed the composition of several health-enhancing herbal formulae and found some similarities with the Ama Kong formula. Further studies on the efficacy and safety of these formulae are needed for better recommendations for the communities. Training programs on propagation, planting, and sustainable exploitation of valuable medicinal species are also needed to create sustainable livelihoods for local communities while preserving valuable genetic resources.
Revised:	25/8/2025	
Published:	25/8/2025	
KEYWORDS		
E De people		
Dak Lak		
Traditional medicinal plants		
Herbal tonic		
Ethnobotanical knowledge		

ĐA DẠNG THÀNH PHẦN LOÀI CÂY THUỐC ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DÂN TỘC Ê ĐÊ Ở ĐẮK LẮK

Nguyễn Thị Hoà*, Đỗ Trần Thẩm Thuý, Hoàng Viết Thành, Võ Văn Nghĩa

Trung tâm Nghiên cứu Dược liệu Tây Nguyên - Viện Dược liệu

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	14/5/2025	Nghiên cứu nhằm cập nhật hiện trạng sử dụng cây thuốc, bài thuốc dân gian trong cộng đồng người Ê Đê ở tỉnh Đắk Lắk. Nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn nhanh có sự tham gia của người dân, kết hợp thu thập mẫu vật theo chỉ dẫn và giám định mẫu qua so sánh hình thái. Kết quả ghi nhận 66 loài cây thuốc đang được sử dụng, trong đó nhóm cây thuốc có công dụng bồi bổ sức khỏe là đa dạng nhất với 12 loài. Nhiều loài cây thuốc quý như Kê huyết đằng (<i>Spatholobus parviflorus</i> (Roxb. ex G.Don) Kuntze), Mật nhân (<i>Eurycoma longifolia</i> subsp. <i>longifolia</i>), Gỏi hạc (<i>Leea thorelii</i> Gagnep.) và Tôm trọng (<i>Urceola minutiflora</i> (Pierre) D.J.Middleton) đã được ghi nhận. Phần lớn các loài cây thuốc vẫn được thu hái từ rừng, nhưng một số đã được trồng gần nhà để chữa các bệnh thông thường. Nhóm nghiên cứu cũng đã thu thập và phân tích thành phần của một số bài thuốc bổ và nhận thấy sự tương đồng với bài thuốc Ama Kong đang được lưu hành. Cần có thêm các nghiên cứu về hiệu quả và an toàn của các bài thuốc này nhằm đưa ra khuyến nghị phù hợp. Với các loài cây thuốc giá trị, cần có tập huấn về quy trình nhân giống, trồng và khai thác bền vững để vừa tạo sinh kế cho người dân địa phương, vừa bảo tồn các nguồn gen giá trị.
Ngày hoàn thiện:	25/8/2025	
Ngày đăng:	25/8/2025	
TỪ KHÓA		
Người Ê Đê		
Đắk Lắk		
Cây thuốc dân tộc		
Bài thuốc bổ		
Tri thức bản địa		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.12803>

* Corresponding author. Email: hoa.nguyen.nta@gmail.com

1. Giới thiệu

Cộng đồng người dân tộc Ê Đê là một cộng đồng có mặt lâu đời ở miền Trung Tây Nguyên. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số dân tộc Ê Đê ở Việt Nam là 398.671 người, chiếm 0,41% dân số cả nước, là cộng đồng dân tộc đông thứ 11 Việt Nam, sống tập trung chủ yếu ở tỉnh Đắk Lắk [1]. Người Ê Đê tự gọi cộng đồng mình bằng nhiều cái tên, ví dụ như: Anăk Ea Đê, Ra Đê (hay Rhađê), Ê Đê, Êgar, Đê với nhiều nhóm địa phương như Kpă, Adham, Krung, Mđhur, Ktul, Dliê, Hruê, Bih, Blô, Kah, Kdrao, Dong Kay, Dong Mak, Ening, Arul, Hwing, Ktlê, Êpan, v.v. Đến nay, các nhóm này đã khá đồng nhất về văn hoá. Tiếng nói của người Ê Đê thuộc nhóm ngôn ngữ Malayô-Pôlinêxia hay ngữ hệ Nam Đảo. Nguồn gốc di cư từ các vùng hải đảo của dân tộc Ê Đê còn được phản ánh trong các sử thi và trong các tác phẩm nghệ thuật dân gian [2].

Văn hoá và tri thức bản địa của người Ê Đê đã được nghiên cứu từ thời Pháp, chủ yếu tập trung vào các khía cạnh như tổ chức xã hội, lối sống, tôn giáo, gia tộc, khế ước hôn nhân, v.v.. Trong khi đó, ít có nghiên cứu đề cập đến tri thức về sử dụng cây thuốc của người Ê Đê ngoài các lễ hiến sinh, cầu cho mưa thuận gió hoà hay cho người ốm khoẻ lại [3]. Những nghiên cứu về tri thức bản địa của người Ê Đê sau giải phóng lại cho thấy họ có nhiều tri thức giá trị về việc sử dụng cây cỏ để làm thuốc. Trong giai đoạn 2002 – 2004, Bảo Huy và cộng sự [4] khi thực hiện đề tài “Xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển các loài cây thuốc ở vùng đệm Vườn Quốc gia Yok Đôn”, đã điều tra tri thức sử dụng cây thuốc trong cộng đồng 10 buôn làng quanh vùng đệm, chủ yếu là người Ê Đê, Lào và M’Nông. Nghiên cứu đã thống kê 172 loài cây thuốc và 207 bài thuốc, chia thành 18 nhóm bệnh, đa dạng nhất là nhóm các bài thuốc cho phụ nữ sau sinh, trị cảm sốt, trị mẩn ngứa, trị đau bụng và đau dạ dày. Nguyễn Văn Dư [5] trong nghiên cứu “Điều tra nghiên cứu các cây thuốc được sử dụng trong các bài thuốc dân tộc tại Tây Nguyên và các biện pháp bảo tồn” thuộc Chương trình Tây Nguyên 3 đã tiến hành 10 đợt điều tra cây thuốc ở khu vực Tây Nguyên, trong đó có khu vực Buôn Đôn của Đắk Lắk. Ngoài hai nghiên cứu tập trung ở khu vực Buôn Đôn kể trên, hiện chưa có nghiên cứu về tri thức sử dụng cây thuốc của cộng đồng người Ê Đê ở Đắk Lắk, bao gồm cả các cộng đồng ngoài khu vực Buôn Đôn.

Tri thức bản địa về sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế, xã hội ở các vùng nông thôn và trong việc phát triển các loại thuốc mới [6]. Kết quả nghiên cứu của Abubakar và cộng sự [7] tại Bắc Nigeria cho một danh mục các loài cây thuốc có hiệu quả trong điều trị các bệnh do virus gây ra, chẳng hạn như Me (*Tamarindus indica* L.), Chùm ngây (*Moringa oleifera* Lam.), Muồng đắng (*Momordica charantia* L.) hay Dầu mè (*Jatropha curcas* L.)... Nghiên cứu trên hệ thực vật Ai Cập của El-Seedi và cộng sự [8] cũng cho thấy Trúc đào (*Nerium oleander* L.), Cúc la mã (*Matricaria chamomilla* L.), gừng (*Zingiber officinale* Roscoe), Lựu (*Punica granatum* L.) hay Tỏi (*Allium sativum* L.) là những dược liệu rất tiềm năng trong điều trị ung thư. Nghiên cứu của Jaiaree và cộng sự [9] trên các cây thuốc cổ truyền Thái Lan về điều trị bệnh cho phụ nữ cho thấy chất chiết từ cây Gừng gió (*Zingiber zerumbet* (L.) Roscoe ex Sm.) và Củ mài (*Dioscorea birmanica* Prain & Burkill) thực sự có khả năng gây độc trên dòng tế bào Hela, qua đó khẳng định hiệu quả của các phương thuốc cổ truyền trong điều trị ung thư tử cung. Tương tự, nghiên cứu của Le Thi Thanh Huong và cộng sự [10] về tri thức sử dụng cây thuốc của người Tày tại Thái Nguyên, Việt Nam cho thấy các loài cây thuốc như Khôi nhung (*Ardisia gigantifolia* Stapf.), Đơn mặt trời (*Excoecaria cochinchinensis* Lour.) hay Bàn tay ma (*Heliconia lobata* (Merr.) Sleumer) cũng có khả năng ức chế các dòng tế bào ung thư. Không những thế, nhiều phương thuốc cổ truyền còn thể hiện hiệu quả điều trị vượt trội so với chỉ định ban đầu trong các thử nghiệm lâm sàng hiện đại. Một ví dụ điển hình là bài thuốc Úc can tán (còn gọi là Yokukan-San trong y học cổ truyền Nhật Bản và Yi-Gan San trong y học cổ truyền Trung Quốc), một bài thuốc vốn được dùng để điều trị các chứng mất ngủ, quấy khóc về đêm ở trẻ em, đã được các nhà nghiên cứu Nhật Bản khẳng định hiệu quả trong điều trị suy giảm trí nhớ [11] và tâm thần phân liệt [12] ở người lớn.

Mặc dù có tầm quan trọng không thể phủ nhận, tri thức về sử dụng cây thuốc bản địa, cổ truyền, đặc biệt là tri thức của các cộng đồng dân tộc thiểu số đang dần mai một do các vấn đề về biến đổi khí hậu và quản lý tài nguyên không bền vững, khiến sinh cảnh của các loài cây thuốc bị đe dọa nghiêm trọng [6]. Nghiên cứu này nhằm mục tiêu bổ sung, cập nhật hiện trạng sử dụng cây thuốc, bài thuốc đang lưu truyền trong cộng đồng người dân tộc Ê Đê ở Đắk Lắk, tạo cơ sở cho các kiến nghị về bảo tồn và khai thác bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc tại địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp điều tra tri thức sử dụng cây thuốc và bài thuốc

Thu thập thông tin: Sử dụng phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng người dân tộc điều tra (PRA) [13]. Trong đó, tại mỗi địa điểm, lựa chọn 4 – 6 người dân tộc Ê Đê trong độ tuổi từ 30 đến trên 60, có nhiều kinh nghiệm, kiến thức về sử dụng cây thuốc, bài thuốc y học cổ truyền, y học dân gian để phỏng vấn với bộ câu hỏi đã soạn thảo được ghi thành phiếu điều tra cây thuốc và phiếu điều tra bài thuốc. Phương pháp này còn gọi là phương pháp phỏng vấn có cấu trúc hoặc phương pháp điều tra mở, nghĩa là người điều tra không giới hạn đối tượng về một nhóm cây thuốc, chữa trị một nhóm bệnh nào đó.

Địa điểm phỏng vấn: Các địa phương có cộng đồng người Ê Đê sinh sống tập trung và có nguồn tài nguyên dược liệu phong phú được lựa chọn, bao gồm: thành phố Buôn Ma Thuột, huyện Buôn Đôn, huyện Eaheo, huyện Lắk, huyện Krong Ana thuộc tỉnh Đắk Lắk.

Thời gian phỏng vấn: Từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2024.

2.2. Phương pháp thu thập và xử lý mẫu vật và giám định tên khoa học

Mẫu cây thuốc được thu thập theo chỉ dẫn của người được phỏng vấn và xử lý theo hướng dẫn của phòng Tiêu bản Queensland, Úc [14]. Mẫu tiêu bản được giám định bằng phương pháp hình thái so sánh dựa trên các tài liệu chuyên khảo: Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ (tập 1,2,3) [15], Thực vật chí Việt Nam [16], Thực vật chí Trung Quốc [17]. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng so sánh với hình ảnh của các mẫu chuẩn được lưu trữ tại các hệ thống cơ sở dữ liệu của Vườn Thực vật Hoàng gia Anh [18], Cơ sở dữ liệu thông tin Đa dạng sinh học toàn cầu (Global Biodiversity Information Facility, GBIF) [19] và các tiêu bản được lưu trữ tại các phòng tiêu bản ở Việt Nam của Viện Dược liệu, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện Sinh học nhiệt đới.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Đa dạng tài nguyên cây thuốc trong cộng đồng người Ê Đê ở Đắk Lắk

Bảng 1. Sự phân bố trong các bậc phân loại của các loài cây thuốc được cộng đồng dân tộc Ê Đê tại Đắk Lắk sử dụng

STT	Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
		Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Ngành Nấm đảm (Basidiomycota)	1	2,6	1	1,7	1	1,5
2	Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	2	5,1	2	3,4	2	3,0
3	Ngành Hạt trần (Gymnospermatophyta)	1	2,6	1	1,7	1	1,5
4	Ngành Hạt kín (Angiospermatophyta)	35	89,7	54	93,1	62	93,9
4.1	Lớp Hai lá mầm (Dicotyledoneae)	22		39		45	
4.2	Lớp Một lá mầm (Monocotyledoneae)	13		15		17	
	Tổng số	39	100	58	100	66	100

Kết quả điều tra tri thức sử dụng cây thuốc trong cộng đồng người Ê Đê ở Đắk Lắk đã ghi nhận 66 loài cây thuốc thuộc 4 ngành thực vật bao gồm ngành Nấm đảm, ngành Dương xỉ, ngành Hạt trần và ngành Hạt kín (Bảng 1). Trong đó, ngành Hạt kín là đa dạng nhất với tổng số 35 họ, 54 chi và 62 loài. Các ngành Nấm, Dương xỉ, Hạt trần mỗi ngành chỉ có 1 - 2 đại diện. Hai họ thực vật đa dạng nhất là họ Đậu và họ Bông, mỗi họ có 7 loài cây thuốc được ghi nhận.

Môi trường sinh thái của các loài cây thuốc được người Ê Đê tại khu vực nghiên cứu sử dụng (Bảng 2) khá đa dạng. Trong đó, các loài cây thuốc thu hái trong rừng, dưới tán rừng có số lượng nhiều nhất, gồm 33 loài, chiếm tỉ lệ 50,0%, với nhiều loài cây thuốc quý, có giá trị sử dụng cao như Kê huyết đằng (*Spatholobus parviflorus* (Roxb. ex G.Don) Kuntze), Mật nhân (*Eurycoma longifolia* subsp. *longifolia*), Gỏi hạc hay Coc bay sán (*Leea thorelii* Gagnep.); Sâm cau (*Curculigo* spp.), Hà thủ ô đỏ (*Reynoutria multiflora* (Thunb.) Moldenke)). Nhóm cây thuốc được trồng tại vườn nhà là 13 loài chiếm 19,7%, cho thấy người dân đã có ý thức trồng các loài cây thuốc tại vườn nhà để điều trị các bệnh thông thường. Một số loài được trồng phổ biến bao gồm Dây ký ninh hay Khura cà ho (*Tinospora crispa* (L.) Hook.f. & Thomson) làm thuốc trị các bệnh dạ dày, đường ruột; Ngô đồng hay sen lục bình (*Jatropha podagrica* Hook.) làm thuốc trị đau răng; Hương nhu, (*Ocimum* cf. *tenuiflorum*) làm thuốc trị mẩn ngứa. Các sinh cảnh như ven đường, ven rừng cũng là những địa điểm có nhiều loại cây thuốc được đồng bào dân tộc Ê Đê thường xuyên thu hái để sử dụng. Đa số những loài cây thuốc mọc tại các sinh cảnh này là loài khá phổ biến và có khả năng khai thác lâu dài. Các loài cây thuốc mọc ven đường thường được thu hái là Thảo quyết minh hay Cóc lạp mun (*Senna tora* (L.) Roxb.); Cỏ màn trâu (*Eleusine indica* (L.) Gaertn.), Đuôi chuột hay Khuất ngẫu (*Stachytarpheta jamaicensis* (L.) Vahl)...

Bảng 2. Môi trường sống của các loài cây thuốc được cộng đồng dân tộc Ê Đê tại Đắk Lắk sử dụng

STT	Môi trường sống	Số lượng loài	Tỉ lệ (%)
1	Trong rừng, dưới tán rừng	33	50,0
2	Ven rừng	4	6,1
3	Ven đường	8	12,1
4	Vườn nhà	13	19,7
5	Nhiều sinh cảnh	8	12,1

Bảng 3. Tần suất sử dụng các bộ phận cây thuốc của cộng đồng Ê Đê tại Đắk Lắk

STT	Bộ phận sử dụng	Số lượng loài	Tỉ lệ (%)
1	Củ, rễ	18	27,3
2	Thân, lá	20	30,3
3	Quả	5	7,6
4	Cả cây	17	25,7
5	Khác (hoa, nhựa mủ, vỏ thân...)	6	9,1

Bảng 4. Các nhóm bệnh được cộng đồng Ê Đê tại Đắk Lắk sử dụng tri thức bản địa để điều trị

STT	Nhóm bệnh	Số loài	Tỉ lệ (%)
1	Bồi dưỡng sức khỏe, suy nhược cơ thể	12	18,2
2	Bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu, ho	9	13,6
3	Bệnh về xương khớp (thấp khớp, viêm khớp, đau lưng, gai cột sống, bó gãy xương,...)	8	12,1
4	Bệnh về chuyển hoá liên quan đến gan (viêm gan (A, B,...), xơ gan, ung thư gan,...), thận và đường tiết niệu (sỏi thận, viêm thận, phù do thận, yếu thận, viêm đường tiết niệu, tiểu đường...)	8	12,1
5	Bệnh về phụ nữ (hạ sản, kinh nguyệt, viêm nhiễm,...)	8	12,1
6	Bệnh về tim mạch, máu, huyết áp (huyết áp cao, suy tim, nhiễm trùng máu,...)	6	9,1
7	Bệnh ngoài da (nhiễm trùng, vết thương, ghẻ lở, mụn nhọt, dị ứng, eczema,...)	5	7,6
8	Bệnh về đường tiêu hóa (tiêu chảy, ỉa, trực tràng, đau dạ dày,...)	4	6,1
9	Bệnh về răng miệng	2	3,0
10	Bệnh về thần kinh, não (an thần, mất ngủ, động kinh, xuất huyết não,...)	2	3,0
11	Động vật cắn (rắn cắn, ong đốt,...)	1	1,5
12	Ung thư	1	1,5

Về cách thức thu hái và sử dụng các bộ phận của cây để làm thuốc, thông tin chúng tôi ghi nhận được cho thấy, cộng đồng người Ê Đê có tri thức độc đáo về việc sử dụng các bộ phận khác nhau của cây để làm thuốc và ý thức rất rõ về cách thức thu hái cũng như thời điểm thu hái. Với cây thuốc cần thu củ hoặc rễ, người dân thường thu vào sáng sớm và sẽ chọn hướng đào sao cho chân của người lấy thuốc không dẫm vào bóng cây. Với cây chỉ thu phần trên mặt đất hoặc toàn cây thì không cần tuân theo nguyên tắc này. Tần suất sử dụng các bộ phận cây thuốc được trình bày trong Bảng 3.

Cộng đồng dân tộc Ê Đê tại khu vực nghiên cứu đã sử dụng kiến thức và kinh nghiệm để chữa nhiều nhóm bệnh khác nhau (Bảng 4). Trong đó, nhóm cây thuốc được sử dụng để bồi bổ sức khoẻ là đa dạng nhất, với 12 loài, chiếm 18,2%; kể đến là nhóm cây thuốc chữa các bệnh cảm ho thông thường, gồm 9 loài, chiếm 13,6%. Các nhóm bệnh chuyển hoá liên quan đến gan, thận, tiết niệu, bệnh xương khớp và bệnh liên quan đến phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ sau sinh, mỗi loại gồm 8 loài, chiếm 12,1%/nhóm.

3.2. Đa dạng các loài cây thuốc có tác dụng bồi bổ sức khoẻ

Bảng 5. Danh mục các loài cây thuốc được dùng để bồi bổ sức khoẻ trong cộng đồng người Ê Đê ở Đắk Lắk

STT	Tên thường gọi	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Công dụng ghi nhận trong cộng đồng	Công dụng được ghi nhận từ các nghiên cứu khác
1	Cốt toái bỏ	<i>Drynaria bonii</i> Christ	Thân	Bổ thận, tráng dương	Dùng chữa dập xương, đau xương, bong gân, sai khớp, tai ù răng đau, thận hư (ghi nhận cho <i>D.fortunei</i> và <i>D.bonii</i>) [20]
2	Đinh lăng	<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms	Lá	Bồi bổ sức khoẻ	Làm tăng sức dẻo dai của cơ thể [20]
3	Hà thủ ô đỏ	<i>Reynoutria multiflora</i> (Thunb.) Moldenke	Củ	Bồi bổ cơ thể	Nhuận tràng, bổ thần kinh, bổ huyết [20]
4	Ké hoa vàng; Coc mây poi	<i>Sida acuta</i> Burm.f.	Rễ	Thải máu độc	Làm mát cơ thể; chữa mụn nhọt, sưng đau, sốt, thông tiểu [20]
5	Kê huyết đằng	<i>Spatholobus parviflorus</i> (Roxb. ex G.Don) Kuntze	Thân	Bổ máu	Bổ huyết, hành huyết, thông kinh lạc, khô gân cốt, dùng chữa đau lưng, đau người, kinh nguyệt không đều [20]
6	Núc nác; Coc lín mây	<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Kurz	Vỏ thân	Hỗ trợ gan, chữa dị ứng	Chữa đi ngoài, ỉa, chữa dị ứng, bệnh ngoài da; trị xơ gan cổ trướng và tẩy giun; trị ho, sốt và u nang [20], [21]
7	Sâm bố chính	<i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr.	Củ	Bồi bổ cơ thể, chữa xương khớp, đại tràng, chống viêm	Chữa các chứng ho, sốt nóng, trong người khô, táo, khát nước, gầy còm [20]
8	Huệ đá lá nhỏ, Sâm cau	<i>Peliosanthes micrantha</i> Aver. et N. Tanaka	Củ	Bồi bổ sức khoẻ	-
9	Sâm cau	<i>Curculigo orchioidea</i> Gaertn.	Củ	Bồi bổ sức khoẻ	Chữa phong thấp, lưng lạnh đau, thần kinh suy nhược, liệt dương [20]
10	Thiên môn đông; Coc nám pí	<i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.	Củ	Bồi bổ sức khoẻ, tăng cường sinh lý	Chữa ho, lợi tiểu tiện và chữa sốt, thuốc bổ [20]
11	Tom trong, Trong	<i>Urceola minutiflora</i> (Pierre) D.J.Middleton	Cả cây	Tăng cường sinh lý	Tăng cường sinh lực, thành phần chính của bài Ama Kong [4]
12	Vông vang gai, Sâm vàng	<i>Hibiscus surattensis</i> L.	Củ	Bổ thận	Sốt, sưng vú; sỏi thận, sỏi niệu, viêm niệu đạo, phụ khoa; ung thư đường tiêu hoá, nhuận tràng, thanh nhiệt giải độc [21]

Chúng tôi đã ghi nhận 12 loài cây thuốc được dùng làm thuốc bổ trong cộng đồng người Ê Đê tại một số khu vực của Đắk Lắk (Bảng 5). So sánh các thông tin về công dụng của cây thuốc điều tra được với các công bố trước đây, chúng tôi nhận thấy có sự tương đồng lớn về công dụng và cách dùng các loại cây thuốc. Chẳng hạn như việc dùng thân Cốt toái bổ làm thuốc bổ thận, thân Kê huyết đằng làm thuốc bổ máu, vỏ Núc nác làm thuốc bổ gan, chữa dị ứng, hay củ Sâm bổ chính làm thuốc bồi bổ cơ thể nói chung [4], [20], [21]. Tuy nhiên, có một số loài cây thuốc bổ được liệt kê trong nghiên cứu trước đây của Bảo Huy và cộng sự [4] như Dủ dẻ (*Desmos dumosus* (Roxb.) Saff.), Củ mài (*Dioscorea hamiltonii* Hook.f.), hay Nhãn dê (*Lepisanthes rubiginosa* (Roxb.) Leenh.) thì chúng tôi không thấy người dân địa phương nhắc đến hoặc trữ dùng trong nhà. Có lẽ vì các loài này phân bố tại các sinh cảnh ẩm, dọc sông suối xa khu dân cư và khó để cộng đồng tiếp cận hơn, mà trong phạm vi nghiên cứu hiện tại, chúng tôi cũng chưa có điều kiện khảo sát các sinh cảnh này.

Ngoài ra, nghiên cứu có ghi nhận 02 loài cây thuốc còn ít được sử dụng làm thuốc bổ, bao gồm Sâm cau (*Peliosanthes micrantha* Aver. et N. Tanaka) hay Sâm vàng (*Hibiscus surattensis* L.). Lưu ý rằng ngoài các loài thuộc chi *Curculigo*, điển hình là *C.orchioidea* được gọi là Sâm cau, cộng đồng địa phương cũng gọi loài *Peliosanthes micrantha* Aver. et N. Tanaka là Sâm cau và dùng với công dụng tương tự như các loài *Curculigo*. Cần có thêm các nghiên cứu về thành phần hoạt chất và công dụng của *P. micrantha* để có thể có khuyến nghị phù hợp cho cộng đồng địa phương về việc sử dụng loài cây này làm thuốc bổ. Trong quá trình điều tra thực vật, chúng tôi cũng đã ghi nhận sự có mặt của cây Tom trong (*Urceola minutiflora* (Pierre) D.J.Middleton), một loài cây thuốc được dùng nhiều với tác dụng tăng cường sinh lý với trữ lượng thấp.

3.3. Đa dạng thành phần bài thuốc bồi bổ sức khỏe

Bảng 6. Thành phần vị thuốc trong một số phiên bản bài thuốc bồi bổ sức khỏe

STT	Thành phần loài		Bài 1	Bài 2	Bài 3	Bài 4	Bài gốc
	Tên khoa học	Tên thường gọi/tên địa phương					
1.	<i>Urceola minutiflora</i> (Pierre) D.J.Middleton	Tom trong	+	+	+	+	+
2.	<i>Flacourtia indica</i> (Burm.f.) Merr.	Bò quân Ấn, Chè trắng	+	+	+	+	+
3.	Loài thuộc họ <i>Hymenochaetaceae</i>	Nấm lỗ gỉ sắt	+	+	+	+	+
4.	<i>Smilax china</i> L.	Khúc khắc	+			+	+
5.	<i>Clausena excavata</i> Burm.f.	Hồng bì rừng	+	+	+		+
6.	<i>Lycium chinense</i> Mill.	Kỷ tử	+				
7.	<i>Neolitsea cassia</i> (L.) Kosterm.	Quế	+				
8.	<i>Spatholobus parviflorus</i> (Roxb. ex G.Don) Kuntze	Huyết đằng, Cây bổ máu	+				
9.	<i>Tinospora crispa</i> (L.) Hook.f. & Thomson	Dây đau xương	+				
10.	<i>Ganoderma lucidum</i> (Curtis) P.Karst.	Linh chi	+				
11.	<i>Codonopsis pilosula</i> (Franch.) Nannf.	Đảng sâm bắc	+				
12.	<i>Bergera glabra</i> (Guillaumin) F.J.Mou	Vương tùng				+	
13.	<i>Musa balbisiana</i> Colla	Chuối hột				+	
14.	<i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr.	Sâm bổ chính			+		
15.	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J.Sm.	Cầu tích			+		
16.	<i>Millettia</i> sp.	Si đó			+		

Trong quá trình phỏng vấn tại khu vực huyện Buôn Đôn, nhóm nghiên cứu đã thu thập và phân tích 04 phiên bản của bài thuốc bổ, tăng cường sinh lực trong cộng đồng người dân tộc Ê Đê (Bảng 6). Chúng tôi nhận thấy thành phần dược liệu của các phiên bản bài thuốc bổ có sự tương đồng với bài thuốc Ama Kong đã được đăng ký lưu hành (bài 5). Các bài thuốc bồi bổ sức khỏe thu thập được có 3 vị chung với bài Ama Kong là thân cây Tom trong (*Urceola minutiflora* (Pierre) D.J.Middleton), thân cây Chè trắng hay Bò quân ấn (*Flacourtia indica* (Burm.f.) Merr.);

và một loại nấm lỗ gỉ sắt chưa xác định được tên khoa học chính xác. Khi xem xét sự khác biệt giữa các bài, chúng tôi nhận thấy ba bài có thêm lá cây Hồng bì rừng (*Clausena excavata* Burm.f.) tương đồng với bài gốc. Bài còn lại dùng lá cây Vương tùng (*Bergera glabra* (Guillaumin) F.J.Mou), một loại dược liệu trong họ Rutaceae cũng có thành phần tinh dầu thơm. Hồng bì rừng được biết đến với tác dụng hỗ trợ tiêu hoá, bồi bổ sức khoẻ, nhưng khá khó gặp trong khu vực nghiên cứu. Điều này có thể do loài này đã bị khai thác trong thời gian dài nên loài Vương tùng được dùng để thay thế [4]. Lá Hồng bì rừng còn được giới thiệu với tên Dâm dương hoắc, mặc dù về bản chất không có liên quan đến các loài Dâm dương hoắc (*Epimedium* spp.), thuộc họ Hoàng liên. Hai trong bốn bài có rễ Khúc khắc (*Smilax china* L.) dùng làm thuốc bổ gân cốt, các bài còn lại sử dụng Cầu tích hoặc Dây đau xương để thay thế. Trong bài thuốc có nhiều vị nhất, chúng tôi nhận thấy có sự bổ sung một số vị thuốc bổ theo Đông y là Kỷ tử, Đảng sâm, hay Quế chi. So sánh thành phần bài thuốc bổ ghi nhận trong nghiên cứu này với thành phần các bài thuốc bổ được ghi nhận bởi Bảo Huy và cộng sự [4], chúng tôi nhận thấy có một số thay đổi. Các loài Hồng bì rừng, Khúc khắc, hay Tom trong trước đây được dùng riêng trong các bài thuốc bổ độc vị thì nay lại được phối trộn, dùng chung. Loài Nấm lỗ gỉ sắt (chưa giám định được tên) chưa từng được nhắc tới về công dụng trong các nghiên cứu trước thì nay lại xuất hiện trong tất cả các bài thuốc bổ thu thập được.

Trong quá trình phỏng vấn, chúng tôi nhận thấy các thầy thuốc địa phương khá am hiểu về công dụng của các cây thuốc. Họ thường dùng thuốc theo các bài được truyền lại nhưng khi không tìm được nguyên liệu mong muốn, họ cũng rất linh hoạt trong việc sử dụng các vị thuốc thay thế. Điều này lý giải cho việc bắt đầu có sự bổ sung một số vị thuốc bổ theo Đông y hay thay thế các vị thuốc trước đây bằng các vị có công dụng gần tương tự và dễ tìm hơn. Sự tương đồng về thành phần bài thuốc bồi bổ sức khoẻ lưu truyền trong cộng đồng người Ê Đê hiện nay với thành phần bài thuốc Ama Kong thuộc cộng đồng người M'Nông/Lào ở Đắk Lắk có lẽ là sản phẩm của sự giao thoa văn hoá khi các cộng đồng này chung sống trong cùng khu vực địa lý và có sự chia sẻ về tri thức sử dụng cây thuốc, đặc biệt là cây thuốc thuộc khu vực vùng đệm Vườn Quốc gia Yok Đôn. Cần có các nghiên cứu thêm về hiệu quả và tính an toàn của các bài thuốc trên, nhằm có khuyến nghị sử dụng phù hợp cho người dân trong khu vực.

4. Kết luận

Kết quả điều tra tri thức sử dụng cây thuốc trong cộng đồng người Ê Đê tại Đắk Lắk đã ghi nhận 66 loài cây thuốc, trong đó có nhiều loài cây thuốc có giá trị như Kê huyết đằng, Mật nhân, Gối hạc, Sâm cau, Hà thủ ô đỏ. Cộng đồng Ê Đê thu hái dược liệu từ nhiều sinh cảnh, chủ yếu là dưới tán rừng để chữa trị 12 nhóm bệnh khác nhau. Nhóm cây thuốc dùng để bồi bổ sức khoẻ là đa dạng nhất với 12 loài đã được thu thập, giám định, ghi nhận về công dụng và cách dùng. Đáng chú ý là loài Huệ đá lá nhỏ (*Peliosanthes micrantha* Aver. et N. Tanaka) cũng được cộng đồng địa phương gọi là Sâm cau và dùng tương tự như loài Sâm cau (*Curculigo orchioides* Gaertn.).

Nghiên cứu đã thu thập và phân tích một số bài thuốc bổ trong cộng đồng và nhận thấy có sự tương đồng với bài Ama Kong đang được lưu hành. Đồng thời, nhóm nghiên cứu cũng ghi nhận xu hướng phối trộn, thay thế các vị thuốc có tác dụng gần tương tự. Điều này phản ánh tính linh hoạt trong việc sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc và cũng có thể là sản phẩm của quá trình giao thoa văn hoá giữa các cộng đồng cùng chung sống trong một khu vực địa lý. Cần có thêm các nghiên cứu về hiệu quả và tính an toàn của các bài thuốc nhằm đưa ra khuyến nghị sử dụng phù hợp. Với các loài cây thuốc đã được khẳng định về giá trị dược liệu, như Tom trong, Hồng bì rừng, Khúc khắc, v.v. cần có tập huấn và chuyển giao quy trình nhân giống, trồng và khai thác bền vững các loài cây thuốc trên, để vừa tạo sinh kế cho người dân địa phương, vừa có thể bảo tồn các nguồn gen giá trị.

Lời cảm ơn

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Hội Đông y tỉnh Đắk Lắk và các chi hội đông y trực thuộc, Ban quản lý và kiểm lâm Vườn Quốc gia Yok Đôn và Vườn Quốc gia Chư Yang Sin, các lương y, thầy thuốc và người dân địa phương Đắk Lắk đã cung cấp nhiều thông tin hữu ích, giúp chúng tôi hoàn thành nghiên cứu này. Chúng tôi trân trọng cảm ơn phản biện và biên tập viên tạp chí đã có những góp ý quý báu để chúng tôi hoàn thiện bài báo một cách tốt nhất. Nghiên cứu là sản phẩm của nhiệm vụ Bảo tồn tri thức sử dụng cây thuốc và bài thuốc cổ truyền năm 2024 do Viện Dược liệu chủ trì.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] National Statistics Office, "Population and Housing Census," Apr. 01, 2019. [Online]. Available: <https://ketquatongdieutradanso.gso.gov.vn/Default.aspx?Type=KetquaChung>. [Accessed Nov. 05, 2024].
- [2] V. H. Nguyen, *Cultural picture of Vietnamese ethnic groups*. Educational Publishing House, 1997.
- [3] A. De Hauteclocque-Howe, *The E De: a society of maternal law*. Knowledge Publishing House, 2018.
- [4] H. Bao, D. D. Nguyen, V. S. Ho, T. T. H. Nguyen, T. L. Cao, and H. Vo, "Building a model for conservation and development of medicinal plants in the buffer zone of Yok Don National Park," Project Final Report, Ministry of Agriculture and Rural Development, 2004.
- [5] V. D. Nguyen, "Investigation and research on medicinal plants used in traditional medicine in the Central Highlands and conservation measures," Project Final Report, Vietnam Academy of Science and Technology, 2015.
- [6] P. Georgiadis, "Ethnobotanical knowledge against the combined biodiversity, poverty and climate crisis: A case study from a Karen community in Northern Thailand," *Plants People Planet*, vol. 4, no. 4, pp. 382–391, 2022, doi: 10.1002/ppp3.10259.
- [7] I. B. Abubakar *et al.*, "Traditional medicinal plants used for treating emerging and re-emerging viral diseases in northern Nigeria," *Eur. J. Integr. Med.*, vol. 49, Jan. 2022, Art. no. 102094, doi: 10.1016/j.eujim.2021.102094.
- [8] H. R. El-Seedi *et al.*, "Exploring natural products-based cancer therapeutics derived from egyptian flora," *J. Ethnopharmacol.*, vol. 269, Apr. 2021, Art. no. 113626, doi: 10.1016/j.jep.2020.113626.
- [9] N. Jaiaree, A. Itharat, and S. Ruangnoo, "Cytotoxic and anti-inflammatory activities of medicinal plants and women's health remedy found in "Mahachotar script" of Thai traditional medicine," *J. Med. Assoc. Thai*, vol. 99, Suppl 4, pp. S211-S221, 2016.
- [10] T. T. H. Le, P. H. Nguyen, H. N. Murthy, V. H. Do, and T. T. Nguyen, "Medicinal Plants Used by the Tay Ethnic Group, Thai Nguyen Province, Vietnam," in *Herbs and Spices*, E. Ivanišová, Ed., Rijeka: IntechOpen, 2022, doi: 10.5772/intechopen.108771.
- [11] K. Iwasaki *et al.*, "A Randomized, observer-blind, controlled trial of the traditional Chinese medicine Yi-Gan San for improvement of behavioral and psychological symptoms and activities of daily living in dementia," *Journal of Clinical Psychiatry*, vol. 66, no. 2, pp. 248-252, 2005.
- [12] C. H. Yu *et al.*, "Yokukansan and its ingredients as possible treatment options for schizophrenia," *Neuropsychiatric disease and treatment*, vol. 10, pp. 1629-1634, Sep. 2014, doi: 10.2147/NDT.S67607
- [13] G. Martin, "Ethnobotany: A methods manual," *Ethnobot. Methods Man.*, Routledge, Jan. 2004, pp. 1–268, doi: 10.4324/9781849775854.
- [14] Queensland Herbarium, *Collection and preserving plant specimens, a manual*, 2nd ed., Department of Science, Information Technology and Innovation, Brisbane, 2016.
- [15] H. H. Pham, *An Illustrated Flora of Vietnam*, vol. 1, 2, 3. Youth Publishing House, 1999.
- [16] Vietnam Academy of Science and Technology, *Flora of Vietnam*. Hanoi: Science and Technics Publishing House, 2000.
- [17] eFloras, "Flora of China," Missouri Botanical Garden, St. Louis, MO & Harvard University Herbaria, Cambridge, MA, 2024. [Online]. Available: <http://www.efloras.org>. [Accessed Dec. 01, 2024].
- [18] POWO, "Plants of the World Online," Facilitated by the Royal Botanic Gardens, Kew, 2024. [Online]. Available: <https://powo.science.kew.org/>. [Accessed Nov. 03, 2024].
- [19] GBIF Secretariat, "GBIF backbone taxonomy," 2024. [Online]. Available: <https://www.gbif.org/>. [Accessed Nov. 03, 2024].
- [20] T. L. Do, *Medicinal plants and materials of Vietnam*. Medical Publishing House, 2004.
- [21] H. T. Luu *et al.*, *Introduction to Medicinal plants in Dak Nong province*. Science and Technics Publishing House, 2019.